

Bản án số 15/2023/HNGĐ- ST

Ngày 24/02/2023

V/v: *Không công nhận là vợ
chồng giữa chị L và anh T.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Chung

2. Ông Nguyễn Tiến Chính

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Thắm- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 545/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2022 về việc: “Không công nhận là vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXX-ST ngày 31 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị L, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn Đ, xã S, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Văn T, sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn K, xã S, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Dương Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn T chung sống cùng nhau như vợ chồng từ ngày 04/07/2009. Trước khi về chung sống với nhau chị và anh T có được tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Do hiểu biết pháp luật còn hạn chế nên đến nay chị và anh T vẫn chưa đăng ký kết hôn. Chị và anh T chung sống hòa thuận hạnh phúc được hơn 01 năm thì nảy sinh mâu thuẫn, chị và anh T thường xuyên xảy ra cãi vã. Nguyên nhân do tính cách chị và anh T không hợp nhau. Đến nay, chị và anh T đã sống ly thân được 10 năm, ai sống thế nào thì mặc, không ai quan tâm đến ai. Nay chị không thể tiếp tục chung sống cùng anh T được nữa, đề nghị Tòa án không công nhận chị và anh T là vợ chồng.

Về con chung: Chị và anh Phạm Văn T sinh được 01 con chung là Phạm Thị H, sinh ngày 15/06/2010, đang ở với chị. Chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa bị đơn anh Phạm Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân như lời khai của chị L đã trình bày. Nay chị Dương Thị L yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh là vợ chồng, anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Dương Thị L sinh được 01 con như chị L đã trình bày. Anh đồng ý để chị L tiếp tục nuôi con. Cấp dưỡng nuôi con anh sẽ tự thỏa thuận với chị L.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình xử lý đơn, Thẩm phán Thông báo sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện chưa đảm bảo. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía đương sự: Các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị Dương Thị L và anh Phạm Văn T là vợ chồng. Về con chung: Giao cho chị L tiếp tục nuôi con; về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị L chung sống như vợ chồng với anh Phạm Văn T từ năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã nên đây là hôn nhân không hợp pháp. Quá trình chung sống chị L và anh T đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống. Chị L và anh T sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm và kinh tế đã lâu. Nay chị L và anh T xác định không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa, chị L đề nghị Tòa án không công nhận chị và anh T là vợ chồng, anh T đồng ý. Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận chị Dương Thị L và anh Phạm Văn T là vợ chồng.

[2]. Về con chung: Quá trình chung sống, chị Dương Thị L và anh Phạm Văn T sinh được 01 con chung là Phạm Thị H, sinh ngày 15/06/2010, đang ở với chị L. Chị L có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con, cháu H có nguyện vọng được ở với chị L, anh T đồng ý. Căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên giao cháu H cho chị L nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[3]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5]. Về án phí: Chị Triệu Thị Tám phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận chị Dương Thị L và anh Phạm Văn T là vợ chồng.

2. *Về con chung*: Giao cho chị Dương Thị L nuôi con là Phạm Thị H, sinh ngày 15/06/2010. Anh Phạm Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Việc thăm nom con không được đề cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về án phí*: Chị Dương Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0014180 ngày 09 tháng 11 năm 2022, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

4. *Về kháng cáo*: Báo cho các đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- UBND xã S;
- Lưu hồ sơ, v/p.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Huân